TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ THUẬN AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 23-10-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngũ Minh Luận;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích;

- *Thư ký phiên toà*: Ông Ngô Quang Ngọc Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 18 và 23 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 812/2018/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2018 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 92/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Kim K, sinh năm 1980; nơi ĐKHKTT: khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Thái Văn T, sinh năm 1972; nơi ĐKHKTT: khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/7/2018, bản tự khai ngày 06/8/2018, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị Kim K trình bày:

Bà K và ông Thái Văn T quen biết nhau từ năm 1999, tự nguyện tìm hiểu, được sự đồng ý của gia đình ông bà có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) L, thị xã T, tỉnh Bình Dương, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97/2001 ngày 12/6/2001. Sau khi kết hôn, bà K và ông T chung sống cùng nhau tại địa chỉ 100/8 khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông T không phụ giúp bà K về kinh tế gia đình, chăm sóc con nên

thường xuyên cãi nhau. Bà K và ông T đã nhiều lần ngồi nói chuyện để hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Bà K và ông T đã ly thân từ năm 2015, đến tháng 6 năm 2018 bà K nộp đơn ly hôn với ông T, tuy nhiên bà K đã rút lại đơn để tạo cơ hội cho ông T tự sửa chữa bản thân, cho vợ chồng có cơ hội quay về đoàn tụ, chung sống hạnh phúc với nhau nhưng ông T vẫn không thay đổi nên bà K và ông T tiếp tục sống ly thân đến nay, bà K không còn sự yêu thương, quan tâm gì tới ông T.

Hiện tại, bà K xác định tình cảm vợ chồng với ông T không còn, đời sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Quá trình chung sống bà K và ông T có hai người con chung tên Thái Thanh T, sinh ngày 28/4/2002 và Thái Gia H, sinh ngày 16/12/2003.

Sau khi ly hôn, bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Thái Thanh T, sinh ngày 28/4/2002.

Đối với con chung tên Thái Gia H, sinh ngày 16/12/2003 bà K đồng ý để ông T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà K không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng bị đơn ông Thái Văn T trình bày:

Ông T thống nhất với bà K về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung và tài sản chung, nợ chung.

Ông T xác định trong cuộc sống vợ chồng cũng nảy sinh những mâu thuẫn do tình tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên thường hay cãi nhau. Ngoài ra, về kinh tế gia đình, ông T trước đây làm nghề sửa chữa điện tử nhỏ, thu nhập không cao nhưng vẫn phụ lo kinh tế cho gia đình cùng bà K. Bà K và ông T đã nhiều lần ngồi nói chuyện để hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thành, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn.

Tháng 6 năm 2018 bà K nộp đơn ly hôn với ông T nhưng bà K đã rút lại đơn để tạo cơ hội cho vợ chồng quay về đoàn tụ, chung sống hạnh phúc với nhau. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về, cả ông T và bà K đều đi làm nên không có thời gian để nói chuyện, hàn gắn tình cảm.

Từ năm 2015 đến nay ông T và bà K sống ly thân vì bà K đi làm xa, một tuần hoặc mười ngày mới về nhà, bà K bỏ mặc ông T muốn sống ra sao thì sống, không còn sự yêu thương, quan tâm gì tới ông T. Tuy nhiên, ông T xác định vẫn còn tình cảm với bà K, mâu thuẫn vợ chồng như nêu trên chưa đến mức trầm trọng, ông T muốn các con có đủ cả cha, lẫn mẹ nên không đồng ý ly hôn với bà K. Do đó, ông T mong muốn bà K suy nghĩ lại, quay về chung sống đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy các con.

Về con chung: Quá trình chung sống bà K và ông T có hai người con chung tên Thái Thanh T, sinh ngày 28/4/2002 và Thái Gia H, sinh ngày 16/12/2003. Vì không đồng ý ly hôn nên ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, tài sản chung, nợ chung.

Trường hợp tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi

dưỡng, chăm sóc, giáo dục Thái Gia H, sinh ngày 16/12/2003. Đồng ý để bà K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Thái Thanh T, sinh ngày 28/4/2002.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông T không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra bị đơn không có ý kiến trình bày nào khác. Bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố.

Tại phiên tòa ông T giữ nguyên yêu cầu về việc không đồng ý ly hôn với bà K.

Về con chung: Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện bị đơn ông Thái Văn T có nơi cư trú tại địa chỉ số khu phố Đ, phường L, thị xã T, tỉnh Bình Dương, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim K và ông Thái Văn T chung sống với nhau từ năm 2001 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) L, thị xã T, tỉnh Bình Dương và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 97/2001 ngày 12/6/2001 nên quan hệ hôn nhân của bà K và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình tố tụng, bà K và ông T đều xác định trong cuộc sống hôn nhân có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do tình tình không hợp nhau, quan điểm sống bất đồng nên thường hay cãi nhau. Ông T và bà K đã ngồi lại nói chuyện để hàn gắn tình cảm nhưng không tìm được tiếng nói chung trong mối quan hệ vợ chồng. Từ năm 2015 bà K và ông T sống ly thân với nhau, bà K không còn quan tâm gì đến cuộc sống của ông T. Tháng 6 năm 2018 bà K đã nộp đơn ly hôn với ông T, tuy nhiên bà K đã rút lại đơn để tạo cơ hội cho ông T tự sửa chữa bản thân, cho vợ chồng có cơ hội quay về đoàn tụ,

chung sống hạnh phúc với nhau (theo Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án hôn nhân gia đình số 184/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04/7/2018 của Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương). Tuy nhiên, sau khi rút đơn về cả bà K và ông T không đoàn tụ, chung sống hạnh phúc với nhau được, tiếp tục sống ly thân đến nay. Bà K cho rằng ông T không có sự thay đổi, ông T cho rằng cả ông và bà K đều đi làm nên không có thời gian để nói chuyện, hàn gắn tình cảm.

Xét thấy, hệ hôn nhân giữa người vợ và người chồng chỉ tồn tại bền vững dựa trên tình cảm thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và khi có những bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng thì người vợ và người chồng phải cùng nhau tích cực hàn gắn, xóa bỏ những mâu thuẫn, duy trì tình cảm tốt đẹp. Nhưng quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông T không đạt được các yếu tố của một gia đình hạnh phúc, mâu thuẫn giữa bà K và ông T đã kéo dài nhiều năm, bà K không sống chung, không còn quan tâm gì tới cuộc sống của ông T. Bà K xác định tình cảm vợ chồng với ông T không còn, đời sống chung không có hạnh phúc. Ông T không đồng ý ly hôn với bà K nhưng cũng không có biện pháp gì tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng bà K và ông T đã trầm trọng, tiếp tục đời sống chung không thể có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà K được ly hôn với ông T.

- Về con chung: Vợ chồng bà K và ông T có hai người con chung tên Thái Thanh T, sinh ngày 28/4/2002 và Thái Gia H, sinh ngày 16/12/2003.

Bà K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung tên Thái Thanh Thanh; tự nguyện giao con chung tên Thái Gia H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Bà K không cấp dưỡng nuôi con và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục Thái Gia H và Thái Thanh T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, cháu Thái Thanh T và cháu Thái Gia H đều đã trên 7 tuổi, quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành hỏi ý kiến các cháu, bản thân cháu Thanh có nguyện vọng được sống cùng mẹ cháu là bà K, cháu H có nguyện vọng được sống cùng cha cháu là ông T. Hiện tại, cả ông T và bà K đều có việc làm, có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung. Do đó, cần giao cháu Thái Thanh T cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và giao cháu Thái Gia H cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo nguyện vọng của các cháu.

Yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T của bà K và yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu H của ông T có cơ sở chấp nhận.

Yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T của ông T là không có cơ sở chấp nhận.

Việc bà K và ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà K và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở để chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim K.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở và phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Bà K phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị Kim K đối với bị đơn ông Thái Văn T về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim K được ly hôn với ông Thái Văn T.

- Về con chung:

Giao con chung tên Thái Thanh T, sinh ngày 28/4/2002 cho bà Phạm Thị Kim K trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Giao con chung tên Thái Gia H, sinh ngày 16/12/2003 cho ông Thái Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà K và ông T về việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự có quyền và nghĩa vụ đối với con chung. Vì lợi ích hợp pháp của con, khi có yêu cầu Tòa án có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị Kim K phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023912 ngày 27/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Phòng Tư pháp thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- UBND phường L,
thị xã T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Tuyết Ánh